TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC **CÔNG TY CỔ PHẦN 397**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1408/TB-CTCP397	*Mạo Khê, ngày 10 tháng 7 năm 2025*

THÔNG BÁO

Kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025 (GT15) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025

Căn cứ Quyết định số 1407../QĐ-CTCP397 ngày 10/7/2025 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 "Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025 (GT15) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025";

Công ty cổ phần 397 thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu nêu trên với những nội dung sau:

1. Thông tin về gói thầu

- Thông báo mời thầu: Thông báo số 1298/TB-CTCP397 ngày 26/6/2025 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 "Về việc mời thông báo mời thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025 (GT15) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025".

- Tên gói thầu: Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025 (GT15).

- Giá gói thầu: **9.910.197.860 đồng.**

- Tên chủ đầu tư: Công ty cổ phần 397

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 170 ngày

- Loại hợp đồng: Theo Đơn giá cố định

2. Thông tin nhà thầu được đề nghị trúng thầu và hợp đồng được trao.

- Tên nhà thầu trúng thầu: **Liên danh nhà thầu GT15.**

- Địa chỉ mới: Tổ 4 - Khu 8 - Phường Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.

- Giá dự thầu: **9.809.955.900 đồng** (Giá đã bao gồm thuế VAT)

- Giá trị trúng thầu: **9.809.955.900 đồng.**

(Bằng chữ: Chín tỷ, tám trăm linh chín triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm đồng) (đã bao gồm thuế VAT).

Giá trị trên đã bao gồm thuế VAT và các thuế, phí khác theo quy định.

- Loại hợp đồng: Theo Đơn giá cố định

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 170 ngày.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần 397

- Lý do được chọn: Có giá dự thầu thấp nhất và đáp ứng tất cả các yêu cầu trong hồ sơ mời thầu.

3. Danh sách các nhà thầu không được lựa chọn và lý do không được lựa chọn của các nhà thầu:

- Công ty cổ phần Phú Thành Parts.

Lý do không được chọn: Đáp ứng tất cả các yêu cầu của hồ sơ mời thầu tuy nhiên có giá chào thầu cao thứ hai trong số các nhà thầu tham gia chào giá.

- Công ty cổ phần đầu tư thương mại và công nghiệp Châu Phát.

Lý do không được chọn: Đáp ứng tất cả các yêu cầu của hồ sơ mời thầu tuy nhiên có giá chào thầu cao nhất trong số các nhà thầu tham gia chào giá.

4. Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn:

- Thời gian ký kết hợp đồng: Ngày 14/7/2025.

- Địa điểm mới ký kết hợp đồng: Văn Phòng Công ty cổ phần 397, Phường Mạo Khê (ĐBHC 2 cấp mới), Quảng Ninh.

Trên đây là thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025 (GT15).

Công ty Cổ phần 397 thông báo đến các nhà thầu tham dự đấu thầu được biết và mời nhà thầu trúng thầu đến Công ty Cổ phần 397 để ký kết hợp đồng theo đúng kế hoạch./.

Nơi nhận :
- Các nhà thầu;
- TCG, TTĐ (t/h);
- Lưu: VT, CĐVT.C03.

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5701435907-C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN 397 * T.P. ĐÔNG TRIỀU T. QUẢNG NINH

Kiều Văn Sính

Phụ lục

(Kèm theo Thông báo số 1408/TB-CTCP397 ngày 10/7/2025 của Giám đốc Công ty cổ phần 397)

STT	Danh mục hàng hóa	Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá chưa thuế	Thành tiền	Bảo hành
1	Ắc giá chữ A Φ55x240	Việt Nam	Cái	2	800.000	1.600.000	02 tháng
2	Ắc Φ70x185	Việt Nam	Cái	50	900.000	45.000.000	02 tháng
3	Ắc giảm sóc trước Φ60x160	Việt Nam	Cái	10	800.000	8.000.000	02 tháng
4	Ắc Piston lái Φ45	Việt Nam	Cái	20	700.000	14.000.000	02 tháng
5	Ắc giằng lái Φ40	Việt Nam	Cái	20	650.000	13.000.000	02 tháng
6	Bạc+ắc nhíp Kamaz	Việt Nam	Bộ	8	220.000	1.760.000	01 tháng
7	Bạc ắc giằng cầu Φ70	Việt Nam	Cái	50	380.000	19.000.000	01 tháng
8	Bạc balie Cos0 740.60D-1000102	Nga	Bộ/ xe	2	2.200.000	4.400.000	06 tháng
9	Bạc biên Cos0 740.60D-1000104	Nga	Bộ/ xe	2	2.150.000	4.300.000	06 tháng
10	Bạc nhựa gối cầu cân bằng 6520-2918074-01/6520-2918074	Nga	Cái	30	600.000	18.000.000	02 tháng
11	Bạc phíp giảm sóc trước 566-50-11173/K566-50-11173	Nhật Bản	Cái	10	17.900.000	179.000.000	03 tháng
12	Bạc thép giảm sóc trước 569-50-6A181/K569-50-6A181	Nhật Bản	Cái	10	12.000.000	120.000.000	03 tháng

13	Bàn ép côn 3482083118/45104160111890	Đức	Cái	3	9.000.000	27.000.000	06 tháng
14	Bánh răng 6520-2502120	Nga	Cái	3	7.400.000	22.200.000	06 tháng
15	Bánh răng 6520-2506126	Nga	Cái	3	3.500.000	10.500.000	06 tháng
16	Bánh răng láp 53205-2403050	Nga	Cái	10	1.842.000	18.420.000	06 tháng
17	Bánh răng vành chậu + quả dứa 6520-2502020-20+6520-2502060-10	Nga	Bộ	4	17.500.000	70.000.000	06 tháng
18	Bánh răng vệ tinh 53212-2403054	Nga	Cái	20	415.000	8.300.000	06 tháng
19	Bầu phanh lốc kê 6520-3519500	Trung Quốc	Cái	35	1.450.000	50.750.000	06 tháng
20	Bầu phanh lốc kê 6520-2918075	Trung Quốc	Cái	20	1.450.000	29.000.000	06 tháng
21	Bầu phanh lốc kê 1446057/35304813720	Trung Quốc	Cái	2	3.100.000	6.200.000	06 tháng
22	Bầu phanh trước 661-3519310	Trung Quốc	Cái	8	1.700.000	13.600.000	06 tháng
23	Bi chữ thập các đăng Φ48x135	Trung Quốc	Vòng	2	790.000	1.580.000	03 tháng
24	Bi chữ thập các đăng Φ52x133 53205-2201026-10	Trung Quốc	Vòng	10	810.000	8.100.000	03 tháng
25	Bi chữ thập các đăng Φ52x134	Trung Quốc	Vòng	5	810.000	4.050.000	03 tháng
26	Bi chữ thập các đăng Φ57x144	Trung Quốc	Vòng	5	840.000	4.200.000	03 tháng
27	Bi chữ thập các đăng Φ57x152 587.42	Trung Quốc	Vòng	8	850.000	6.800.000	03 tháng

28	Bi moay ơ sau 32220	Trung Quốc	Vòng	2	1.750.000	3.500.000	03 tháng
29	Bi moay ơ sau 34023	Trung Quốc	Vòng	2	1.700.000	3.400.000	03 tháng
30	Bi moay ơ trước 30615JR	Trung Quốc	Vòng	12	937.000	11.244.000	03 tháng
31	Bi moay ơ trước 32310JR	Trung Quốc	Vòng	12	890.000	10.680.000	03 tháng
32	Bi rọ 664916E	Nga	Vòng	1	750.000	750.000	03 tháng
33	Bi tê côn 2-13-30	Trung Quốc	Cái	2	3.500.000	7.000.000	03 tháng
34	Bi tỳ trục đứng 29910C17	Nga	Vòng	30	2.200.000	66.000.000	03 tháng
35	Bình nước phụ 6520-1311010/5320-1311010-30	Nga	Cái	2	2.400.000	4.800.000	03 tháng
36	Bộ hơi comple 740.60-1000128-07	Nga	Bộ/xe	2	30.900.000	61.800.000	06 tháng
37	Bộ vỏ ốp vi sai cầu 6520-2403018/2403019	Nga	Bộ	4	15.000.000	60.000.000	06 tháng
38	Bơm lái 4310- 3407200-11/6520-3407200-02	Nga	Cái	2	7.900.000	15.800.000	06 tháng
39	Bơm lái AT-2M0722065-617	Trung Quốc	Cái	1	4.500.000	4.500.000	06 tháng
40	Bơm tay nhiên liệu 332.110.601	Trung Quốc	Cái	7	1.350.000	9.450.000	03 tháng
41	Ca xoa to 428-33-00021	Trung Quốc	Cặp	7	35.700.000	249.900.000	06 tháng
42	Ca xoa nhỏ 287-33-00010	Trung Quốc	Cặp	7	11.800.000	82.600.000	06 tháng

43	Căn dọc trục cơ Cos0 6520-2502020-10	Nga	Bộ	1	1.080.000	1.080.000	01 tháng
44	Căn phíp giảm sóc trước 566-50-11290/K566-50-11290	Nhật Bản	Cái	10	3.500.000	35.000.000	02 tháng
45	Căn nhỏ vi sai cầu 5320-2403058	Nga	Cái	40	70.000	2.800.000	02 tháng
46	Căn to vi sai cầu 5320-2403051	Nga	Cái	20	160.000	3.200.000	02 tháng
47	Cánh giảm chấn HD465	Việt Nam	Cái	4	18.000.000	72.000.000	03 tháng
48	Cao su giằng cầu 6520-2919026	Trung Quốc	Quả	40	750.000	30.000.000	02 tháng
49	Cây ba dọc 6520-3414009-11	Nga	Cái	3	8.800.000	26.400.000	06 tháng
50	Cây ba dọc 6520-3414009-21	Nga	Cái	3	8.800.000	26.400.000	06 tháng
51	Cây các đăng trước 6520-2205011-10	Trung Quốc	Cái	6	16.000.000	96.000.000	06 tháng
52	Chụp chắn bụi giằng lái HD465 569-40-61660	Trung Quốc	Cái	150	350.000	52.500.000	02 tháng
53	Còi hơi inox	Việt Nam	Bộ	5	350.000	1.750.000	01 tháng
54	Van tiết lưu máy lạnh 33003	Trung Quốc	Cái	3	1.600.000	4.800.000	03 tháng
55	Cơ cấu bánh răng truyền động trục trung gian 6520-2502110	Nga	Cái	3	9.000.000	27.000.000	06 tháng
56	Còi điện KF-24	Nhật Bản	Cái	12	3.500.000	42.000.000	03 tháng
57	Con đội xu páp 740-1007184-03	Nga	Cái	32	300.000	9.600.000	06 tháng

58	Cụm khớp lai bơm ben 6090012022	Trung Quốc	Cụm	10	10.500.000	105.000.000	04 tháng
59	Cụm phom xả khí 432.410.102.0	Trung Quốc	Cụm	1	1.500.000	1.500.000	03 tháng
60	Cuống van dài 569-30-72130	Trung Quốc	Cái	80	1.150.000	92.000.000	03 tháng
61	Cuống van ngắn 569-30-71600/H-45	Trung Quốc	Cái	30	950.000	28.500.000	03 tháng
62	Dây cu roa 6PK2120	Việt Nam	Sợi	15	440.000	6.600.000	Theo TCNSX
63	Dây cu roa 6PK2140	Việt Nam	Sợi	10	445.000	4.450.000	Theo TCNSX
64	Dây cu roa 6PK2220	Việt Nam	Sợi	5	448.000	2.240.000	Theo TCNSX
65	Dây cu roa 6PK2230	Việt Nam	Sợi	5	450.000	2.250.000	Theo TCNSX
66	Dây cu roa 6PK2285	Việt Nam	Sợi	10	480.000	4.800.000	Theo TCNSX
67	Dây cu roa 6PK2310	Việt Nam	Sợi	15	490.000	7.350.000	Theo TCNSX
68	Dây cu roa máy lạnh RECMF 8390	Việt Nam	Sợi	6	290.000	1.740.000	Theo TCNSX
69	Dây cu roa máy lạnh RECMF6580	Việt Nam	Sợi	15	210.000	3.150.000	Theo TCNSX
70	Dây cu roa máy phát 8PK1315	Việt Nam	Sợi	30	600.000	18.000.000	Theo TCNSX
71	Dây cu roa máy phát 8PK1495	Việt Nam	Sợi	2	790.000	1.580.000	Theo TCNSX
72	Dây cu roa máy phát RECMF6390	Việt Nam	Sợi	30	125.000	3.750.000	Theo TCNSX

73	Dây cu roa máy phát RECMF 8390	Việt Nam	Sợi	15	290.000	4.350.000	Theo TCNSX
74	Dây cu roa máy lạnh RECMF6390	Việt Nam	Sợi	5	125.000	625.000	Theo TCNSX
75	Đế bầu lọc tách nước nhiên liệu Kamaz 6520	Trung Quốc	Cái	3	1.200.000	3.600.000	03 tháng
76	Đề khởi động 5402.3708000-01	Nga	Cái	3	12.890.000	38.670.000	06 tháng
77	Đèn pha - điện tử 24V (đế sắt)	Việt Nam	Cái	100	600.000	60.000.000	01 tháng
78	Đèn pha 342.3711/75365669-2007	Nga	Cái	14	1.200.000	16.800.000	01 tháng
79	Giảm chấn ống xả 569-02-81111	Nhật Bản	Cái	1	14.500.000	14.500.000	03 tháng
80	Giảm chấn ống xả 569-02-88132	Nhật Bản	Cái	1	15.200.000	15.200.000	03 tháng
81	Giảm sóc ghế lái 421-57-31730/AS198243	Đức	Cái	12	9.500.000	114.000.000	03 tháng
82	Giảm sóc nhíp trước 45104290550500/50.2.2905006	Trung Quốc	Cái	6	1.680.000	10.080.000	03 tháng
83	Giàn lạnh 8236675	Trung Quốc	Bộ	15	2.500.000	37.500.000	04 tháng
84	Gioăng 566-40-42822	Nhật Bản	Cái	20	180.000	3.600.000	Theo TCNSX
85	Gioăng bót lái 561-40-00200	Nhật Bản	Bộ	10	930.000	9.300.000	Theo TCNSX
86	Gioăng cổ hút Kamaz	Việt Nam	Cái	40	150.000	6.000.000	Theo TCNSX
87	Gioăng mặt máy 740.30-1003213	Nga	Cái	2	400.000	800.000	Theo TCNSX

88	Gioăng moay ơ sau 07000-15460	Nhật Bản	Cái	5	420.000	2.100.000	Theo TCNSX
89	Gioăng moay ơ sau Φ4x175	Việt Nam	Cái	25	50.000	1.250.000	Theo TCNSX
90	Gioăng moay ơ sau Φ6x250	Việt Nam	Cái	25	180.000	4.500.000	Theo TCNSX
91	Gioăng phớt đại tu 740.50-360	Nga	Bộ	2	2.880.000	5.760.000	Theo TCNSX
92	Gioăng phớt xi lanh đóng mở gầu 49327-20250	Nhật Bản	Bộ	2	3.200.000	6.400.000	Theo TCNSX
93	Gioăng phớt xi lanh lái 707-98-26901/K707-98-26901	Nhật Bản	Bộ	2	3.000.000	6.000.000	Theo TCNSX
94	Gioăng phớt xi lanh lái 90Z 49327-72600/49327-72610	Nhật Bản	Bộ	2	2.850.000	5.700.000	Theo TCNSX
95	Gioăng phớt xi lanh lái Kamaz 65201	Việt Nam	Bộ	1	800.000	800.000	Theo TCNSX
96	Gioăng phớt xi lanh nâng hạ cần Kawasaki 90ZIV-2 49327-60690	Nhật Bản	Bộ	1	3.500.000	3.500.000	Theo TCNSX
97	Gối cầu cân bằng 6520-2918070	Nga	Cái	8	16.000.000	128.000.000	06 tháng
98	Guốc phanh 6520-3501095	Trung Quốc	Cái	8	3.800.000	30.400.000	06 tháng
99	Kim phun nhiên liệu 273.1112010-20	Nga	Cái	1	1.800.000	1.800.000	04 tháng
100	Lá côn 142.1601130	Trung Quốc	Cái	10	3.300.000	33.000.000	03 tháng
101	La răng 1100-20	Trung Quốc	Bộ	3	2.300.000	6.900.000	06 tháng
102	Lá thép bơm cao áp 16833-99015	Nhật Bản	Cái	1	5.300.000	5.300.000	03 tháng

103	Lọc dầu động cơ 5876101170	Indonesia	Cái	2	600.000	1.200.000	Theo TCNSX
104	Lọc dầu động cơ P550490	Indonesia	Cái	4	580.000	2.320.000	Theo TCNSX
105	Lọc dầu động cơ P551670	Indonesia	Cái	3	490.000	1.470.000	Theo TCNSX
106	Lọc dầu động cơ SO2715	Trung Quốc	Cái	2	450.000	900.000	Theo TCNSX
107	Lọc dầu nhiên liệu UC-220	Trung Quốc	Cái	60	170.000	10.200.000	Theo TCNSX
108	Lốc điều hòa HCC-15	Trung Quốc	Cái	1	7.000.000	7.000.000	Theo TCNSX
109	Lọc gió động cơ 28130-7C000	Hàn Quốc	Cái	1	2.400.000	2.400.000	Theo TCNSX
110	Lọc gió động cơ YK3046-F	Trung Quốc	Cái	20	1.820.000	36.400.000	Theo TCNSX
111	Lọc gió động cơ P622063	Hàn Quốc	Cái	2	1.400.000	2.800.000	Theo TCNSX
112	Lọc gió xe ca SAMCO 20x25 đế mềm	Indonesia	Cái	1	1.100.000	1.100.000	Theo TCNSX
113	Lốc lạnh ST150101	Trung Quốc	Cái	1	6.800.000	6.800.000	03 tháng
114	Lọc tách nước P554685	Mexico	Cái	6	778.000	4.668.000	Theo TCNSX
115	Lọc thô dầu động cơ 7405-1012040	Nga	Cái	50	350.000	17.500.000	Theo TCNSX
116	Lọc tinh dầu động cơ 7405-1017040	Nga	Cái	50	460.000	23.000.000	Theo TCNSX
117	Lọc dầu động cơ O-7320	Indonesia	Cái	2	589.000	1.178.000	Theo TCNSX

118	Phin lọc dầu động cơ P502042	Indonesia	Cái	3	550.000	1.650.000	Theo TCNSX
119	Phin lọc dầu động cơ P550065	Indonesia	Bộ	4	424.000	1.696.000	Theo TCNSX
120	Phin lọc dầu động cơ P550777	Indonesia	Cái	5	500.000	2.500.000	Theo TCNSX
121	Phin lọc dầu động cơ P553639	Indonesia	Cái	5	571.000	2.855.000	Theo TCNSX
122	Phin lọc dầu động cơ P556007	Indonesia	Cái	5	446.000	2.230.000	Theo TCNSX
123	Phin lọc dầu động cơ P559000	Mexico	Cái	12	1.150.000	13.800.000	Theo TCNSX
124	Phin lọc dầu hộp số P502577	Indonesia	Cái	5	1.584.000	7.920.000	Theo TCNSX
125	Phin lọc dầu nhiên liệu P550391	Indonesia	Cái	4	212.000	848.000	Theo TCNSX
126	Phin lọc dầu nhiên liệu P551047	Mexico	Cái	7	2.200.000	15.400.000	Theo TCNSX
127	Phin lọc dầu nhiên liệu P551329	Indonesia	Cái	5	320.000	1.600.000	Theo TCNSX
128	Phin lọc dầu nhiên liệu P553004	Indonesia	Cái	6	190.000	1.140.000	Theo TCNSX
129	Phin lọc dầu nhiên liệu P557440	Indonesia	Cái	8	371.000	2.968.000	Theo TCNSX
130	Phin lọc dầu nhiên liệu thô P553200	Indonesia	Cái	300	1.968.000	590.400.000	Theo TCNSX
131	Phin lọc dầu nhiên liệu tinh P502480	Indonesia	Cái	130	1.300.000	169.000.000	Theo TCNSX
132	Phin lọc dầu thủy lực P551210	Indonesia	Cái	2	1.347.000	2.694.000	Theo TCNSX

133	Phin lọc gió động cơ P500181	Indonesia	Bộ	1	3.200.000	3.200.000	Theo TCNSX
134	Phin lọc máy lạnh CD-3008	Trung Quốc	Cái	30	700.300	21.009.000	Theo TCNSX
135	Ly tâm cánh quạt động cơ 20002749/18219-3	Nga	Cái	2	7.500.000	15.000.000	06 tháng
136	Má phanh sau DONGFENG	Việt Nam	Cái	20	180.000	3.600.000	Theo TCNSX
137	Má phanh sau 58144-5KA20	Việt Nam	Cái	6	276.000	1.656.000	Theo TCNSX
138	Má phanh sau Hyundai 58343-7D942/58343-7J500	Việt Nam	Cái	20	180.000	3.600.000	Theo TCNSX
139	Má phanh 6520-3501105-41	Việt Nam	Cái	120	100.000	12.000.000	Theo TCNSX
140	Măng xéc đơn giảm sóc trước 566-50-6A410/K566-50-6A410	Nhật Bản	Cái	10	2.200.000	22.000.000	Theo TCNSX
141	Măng xéc kép giảm sóc trước 707-51-16650/K707-51-16650	Nhật Bản	Cái	10	2.200.000	22.000.000	Theo TCNSX
142	Mặt bích các đăng 2402N-065	Việt Nam	Cái	1	1.600.000	1.600.000	03 tháng
143	Mặt bích các đăng dài 6520-2205023	Nga	Cái	1	1.800.000	1.800.000	03 tháng
144	Mặt bích trục cài cầu 6520-2502036	Nga	Cái	5	4.200.000	21.000.000	03 tháng
145	Mặt máy 740.30-1003010/740.30-1003010-02	Nga	Cụm	3	7.000.000	21.000.000	06 tháng
146	Máy ép hơi 53205-3509015-02/53205-3509015	Nga	Cụm	2	7.000.000	14.000.000	06 tháng
147	Máy nén khí điều hòa 10PA15C	Trung Quốc	Cái	1	5.400.000	5.400.000	06 tháng

148	Máy nén khí điều hòa 10S15C/24V	Trung Quốc	Cái	1	8.400.000	8.400.000	06 tháng
149	Máy nén khí điều hòa 7S708/24V	Trung Quốc	Cái	1	4.900.000	4.900.000	06 tháng
150	Máy nén khí điều hòa 7S709/24V	Trung Quốc	Cái	1	6.500.000	6.500.000	06 tháng
151	Máy phát điện 3142.3771010-10/31423771-20	Nga	Cái	11	7.700.000	84.700.000	06 tháng
152	Mô tơ gạt mưa 892.5205100/37.453.107-96	Nga	Cái	2	3.500.000	7.000.000	03 tháng
153	Mô tơ quạt giàn nóng 90Z4-2	Việt Nam	Cái	1	1.800.000	1.800.000	03 tháng
154	Ống gió cao su 569-02-6E131	Nhật Bản	Cái	1	4.500.000	4.500.000	01 tháng
155	Phớt 105x130x13	Việt Nam	Cái	2	170.000	340.000	Theo TCNSX
156	Phớt bót lái 561-40-00100	Nhật Bản	Bộ	5	3.000.000	15.000.000	Theo TCNSX
157	Phớt cầu 80x105x12	Việt Nam	Cái	40	150.000	6.000.000	Theo TCNSX
158	Phớt chắn bụi giảm sóc trước 569-50-61230/K569-50-61230	Nhật Bản	Cái	10	1.800.000	18.000.000	Theo TCNSX
159	Căn nhựa giảm sóc trước 07001-05190/K07001-05190	Nhật Bản	Cái	10	193.000	1.930.000	Theo TCNSX
160	Gioăng giảm sóc trước 07000-15190/K07000-15190	Nhật Bản	Cái	10	100.000	1.000.000	Theo TCNSX
161	Phớt chắn bụi moay ơ sau 568-33-11511	Nhật Bản	Cái	4	5.900.000	23.600.000	02 tháng
162	Phớt chắn mỡ giằng cầu Φ70	Việt Nam	Cái	60	350.000	21.000.000	Theo TCNSX

163	Phớt đầu bơm cao áp 30x42x7	Việt Nam	Cái	10	58.000	580.000	Theo TCNSX
164	Phớt đuôi bơm cao áp 45x60x8	Việt Nam	Cái	20	89.000	1.780.000	Theo TCNSX
165	Phớt đuôi hộp số 80x105x12	Việt Nam	Cái	2	150.000	300.000	Theo TCNSX
166	Phớt đuôi trục cơ 7406-1005160-02	Nga	Cái	3	740.000	2.220.000	Theo TCNSX
167	Phớt moay ơ sau 154x175x13	Việt Nam	Cái	4	220.000	880.000	Theo TCNSX
168	Phớt moay ơ sau 65115-3104017	Việt Nam	Cái	40	150.000	6.000.000	Theo TCNSX
169	Phớt moay ơ trước 105x138	Việt Nam	Cái	20	110.000	2.200.000	Theo TCNSX
170	Phớt moay ơ trước 569-30-11412	Nhật Bản	Cái	18	4.100.000	73.800.000	Theo TCNSX
171	Piston giảm sóc ghế lái 370-8065	Mỹ	Cái	1	13.000.000	13.000.000	03 tháng
172	Quạt dàn nóng Themoking 12 inch/24V	Trung Quốc	Cái	10	850.000	8.500.000	03 tháng
173	Quạt giàn lạnh điều hòa HD230-41320	Trung Quốc	Cái	8	2.800.000	22.400.000	03 tháng
174	Quạt giàn lạnh điều hòa SV236-51384	Trung Quốc	Cái	2	3.500.000	7.000.000	03 tháng
175	Quạt giàn nóng 51552-41350	Trung Quốc	Cái	2	3.000.000	6.000.000	03 tháng
176	Quạt dàn nóng 3T-4203	Trung Quốc	Cái	3	2.800.000	8.400.000	03 tháng
177	Rơ le nhiệt Kamaz	Việt Nam	Cái	5	540.000	2.700.000	02 tháng

178	Rô tuyn ba dọc 180-3414060/3414061	Trung Quốc	Bộ	4	2.450.000	9.800.000	03 tháng
179	Rô tuyn ba ngang R180-3414062/3414063	Trung Quốc	Bộ	4	2.450.000	9.800.000	03 tháng
180	Rô tuyn đi số to Kamaz 6520	Việt Nam	Cái	10	500.000	5.000.000	03 tháng
181	Tăm bua phanh sau DFHB15T	Trung Quốc	Cái	2	3.500.000	7.000.000	06 tháng
182	Tanh la răng 1100/1200-20	Việt Nam	Cái	50	780.000	39.000.000	06 tháng
183	Tay biên 740.1004045	Nga	Cái	1	4.100.000	4.100.000	02 tháng
184	Tay giằng cầu hạ HD465	Việt Nam	Cái	2	12.135.000	24.270.000	04 tháng
185	Tay giằng cầu SP00325416	Việt Nam	Cái	1	5.000.000	5.000.000	04 tháng
186	Tay giằng cầu thượng HD465	Việt Nam	Cái	3	9.000.000	27.000.000	04 tháng
187	Thân các đăng cụt 569-20-71920	Nhật Bản	Cái	1	15.500.000	15.500.000	03 tháng
188	Tiết chế máy phát BR28-11	Đức	Cái	2	1.500.000	3.000.000	02 tháng
189	Tiết chế máy phát Я120M1	Trung Quốc	Cái	10	800.000	8.000.000	03 tháng
190	Tổng côn dưới H03505	Trung Quốc	Cái	2	3.500.000	7.000.000	03 tháng
191	Tổng côn dưới 0501 006 570/VG3350	Trung Quốc	Cái	8	2.200.000	17.600.000	03 tháng
192	Tổng côn trên 5320-1602510-10	Nga	Cái	6	2.500.000	15.000.000	04 tháng

193	Trục cài cầu 6520-2502024	Nga	Cái	5	6.600.000	33.000.000	04 tháng
194	Trục chữ thập 5320-2403060	Nga	Cái	5	1.896.000	9.480.000	03 tháng
195	Trục đứng 6520-3001019	Nga	Cái	8	1.800.000	14.400.000	04 tháng
196	Trục giảm chấn HD465	Việt Nam	Cái	4	16.000.000	64.000.000	03 tháng
197	Trục lai bơm ben 136303036	Trung Quốc	Cái	6	3.800.000	22.800.000	04 tháng
198	Trục lai các đăng sau 6520-3904030/6520-2502201	Nga	Cái	3	6.000.000	18.000.000	01 tháng
199	Trục láp dài 6520-3501108/6520-2403069	Nga	Cái	2	8.500.000	17.000.000	04 tháng
200	Van chia hơi 1425183/RL3518Z77	Trung Quốc	Cái	1	1.600.000	1.600.000	03 tháng
201	Van chia hơi 973011010/RL3518AH	Trung Quốc	Cái	6	3.700.000	22.200.000	03 tháng
202	Van điện từ 09070617	Trung Quốc	Cái	15	850.000	12.750.000	03 tháng
203	Van hơi chuyển tầng hộp số 2880166	Trung Quốc	Cái	4	4.800.000	19.200.000	03 tháng
204	Van hộp số 303.11.0014/6038202043	Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	1	4.800.000	4.800.000	03 tháng
205	Van nạp giảm sóc 566-50-11301	Trung Quốc	Cái	10	1.450.000	14.500.000	03 tháng
206	Van tiết lưu máy lạnh VHE-15QTEX-11	Trung Quốc	Cái	6	698.500	4.191.000	03 tháng
207	Van tiết lưu máy lạnh 447500-9220	Trung Quốc	Cái	4	1.200.000	4.800.000	03 tháng

208	Vi lét phanh Hyundai HD260	Trung Quốc	Cái	2	1.100.000	2.200.000	03 tháng
209	Vi lét phanh sau (bên lái) DFKB15T	Trung Quốc	Cái	2	600.000	1.200.000	03 tháng
210	Vi nét phanh trước (RH) 45104350225890/79258	Trung Quốc	Cái	5	1.550.000	7.750.000	03 tháng
211	Vi nét phanh trước (LH) 45104350225990/79259	Trung Quốc	Cái	5	1.550.000	7.750.000	03 tháng
212	Vi nét phanh sau 45104350126090/79260	Trung Quốc	Cái	6	1.550.000	9.300.000	03 tháng
213	Vi nét phanh sau 5104350126190/79261	Trung Quốc	Cái	6	1.550.000	9.300.000	03 tháng
214	Vi nét phanh trước Kamaz 6520	Trung Quốc	Cái	1	1.550.000	1.550.000	03 tháng
215	Vòng bi 6009	Nhật Bản	Vòng	5	450.000	2.250.000	03 tháng
216	Vòng bi 6211C3	Nhật Bản	Vòng	2	1.200.000	2.400.000	03 tháng
217	Vòng bi 6217C3	Nhật Bản	Vòng	2	1.500.000	3.000.000	03 tháng
218	Vòng bi bánh đà 1180305	Nga	Vòng	4	400.000	1.600.000	03 tháng
219	Vòng bi cầu 1042924K1M	Nga	Vòng	6	3.000.000	18.000.000	03 tháng
220	Vòng bi cầu 30217	Nhật Bản	Vòng	3	950.000	2.850.000	03 tháng
221	Vòng bi cầu 30313JR	Nhật Bản	Vòng	3	1.800.000	5.400.000	03 tháng
222	Vòng bi cầu 32216	Nhật Bản	Vòng	6	1.800.000	10.800.000	03 tháng

223	Vòng bi cầu 32313	Nhật Bản	Vòng	3	1.200.000	3.600.000	03 tháng
224	Vòng bi cầu 32315	Nhật Bản	Vòng	3	1.300.000	3.900.000	03 tháng
225	Vòng bi cầu 6312	Nhật Bản	Vòng	8	930.000	7.440.000	03 tháng
226	Vòng bi NTN 206EAT2X	Nhật Bản	Vòng	5	700.000	3.500.000	03 tháng
227	Vòng bi đuôi trục cơ 6205	Nhật Bản	Vòng	2	420.000	840.000	03 tháng
228	Vòng bi NTN 6303	Nhật Bản	Vòng	2	250.000	500.000	03 tháng
229	Vòng bi NTN 6304	Nhật Bản	Vòng	2	620.000	1.240.000	03 tháng
230	Vòng bi SKF NJ206ECP	Đức	Vòng	5	950.000	4.750.000	03 tháng
231	Xi lanh phanh trước xe SAMCO 34c	Trung Quốc	Cái	2	1.200.000	2.400.000	06 tháng
232	Vi nét phanh Hyundai HD260	Trung Quốc	Cái	2	1.100.000	2.200.000	03 tháng
233	Vành răng bánh đà 7406-1005125	Nga	Cái	1	4.000.000	4.000.000	03 tháng
234	Van nạp khí bình tích năng 721-89-12011	Nhật Bản	Cái	25	1.360.000	34.000.000	03 tháng
235	Trục láp ngắn 6520-2403970	Nga	Cái	2	7.500.000	15.000.000	06 tháng
236	Tổng côn trên DONGFENG	Trung Quốc	Cái	1	1.200.000	1.200.000	03 tháng
237	Ống xả 54115-1203012-02	Nga	Cái	6	1.800.000	10.800.000	02 tháng

238	Mặt bích các đăng đầu trục giảm chấn HD465	Việt Nam	Cái	5	6.000.000	30.000.000	03 tháng
239	Lọc tinh nhiên liệu 8-98162897-0	Indonesia	Cái	1	450.000	450.000	Theo TCNSX
240	Lọc thô nhiên liệu 8-98037480-0	Indonesia	Cái	1	500.000	500.000	Theo TCNSX
241	Lọc tách nước PL-420	Trung Quốc	Cái	5	256.000	1.280.000	Theo TCNSX
242	Lọc phom xả UT1374	Trung Quốc	Cái	5	620.000	3.100.000	Theo TCNSX
243	Lọc gió động cơ 30295-2/30295-3	Trung Quốc	Bộ	1	2.400.000	2.400.000	Theo TCNSX
244	Lọc dầu thủy lực SFH-0084	Indonesia	Cái	3	160.000	480.000	Theo TCNSX
245	La răng 1200-20	Việt Nam	Bộ	10	2.600.000	26.000.000	06 tháng
246	Lá côn 16004350000	Trung Quốc	Cái	6	3.700.000	22.200.000	02 tháng
247	Lá côn 45104160120590/1878080037	Trung Quốc	Cái	5	3.300.000	16.500.000	03 tháng
248	Gương chiếu hậu SL-736	Trung Quốc	Cái	10	1.800.000	18.000.000	03 tháng
249	Lọc van số 569-15-81730	Nhật Bản	Cái	1	3.200.000	3.200.000	Theo TCNSX
250	Cao su nối ống 07332-51400	Trung Quốc	Cái	5	450.000	2.250.000	Theo TCNSX
251	Piston bát hơi cài hộp số 1315 334 034	Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	2	1.200.000	2.400.000	03 tháng
252	Căn phíp bát hơi cài hộp số 0750 112 066	Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	2	250.000	500.000	03 tháng

253	Phớt bát hơi cài hộp số 0734 307 294	Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	2	350.000	700.000	03 tháng
254	Ốp chân hộp số 6460-1001124-10	Nga	Cái	5	2.400.000	12.000.000	03 tháng
255	Ốp chân hộp số 6460-1001125-10	Nga	Cái	5	2.400.000	12.000.000	03 tháng
256	Lọc dầu động cơ C1515/SFO6777	Indonesia	Cái	2	450.000	900.000	Theo TCNSX
257	Vòng bi NTN 6206	Nhật Bản	Vòng	3	230.000	690.000	03 tháng
258	Vòng bi SKF 6305	Nhật Bản	Vòng	3	310.000	930.000	03 tháng
259	Trục cam 740.21-1006015	Nga	Cái	2	10.500.000	21.000.000	06 tháng
260	Giảm sóc cabin SP003324	Hàn Quốc	Cái	4	1.300.000	5.200.000	03 tháng
261	Đồng hồ báo áp suất dầu động cơ Kamaz	Việt Nam	Cái	5	500.000	2.500.000	02 tháng
262	Đệm ty giảm sóc trước 569-50-61413	Nhật Bản	Cái	10	9.500.000	95.000.000	02 tháng
263	Dây đi số Dongfeng	Việt Nam	Sợi	2	700.000	1.400.000	02 tháng
264	Dàn nóng HBS-PZ3005	Trung Quốc	Cái	5	2.850.000	14.250.000	03 tháng
265	Dàn lạnh HBS-P06403	Trung Quốc	Cái	5	2.600.000	13.000.000	03 tháng
266	Dàn nóng LR023952	Trung Quốc	Cái	1	3.000.000	3.000.000	03 tháng
267	Dàn lạnh Volvo L150H	Trung Quốc	Cái	2	3.500.000	7.000.000	03 tháng

268	Lốc điều hòa SD7H15	Trung Quốc	Cái	2	6.000.000	12.000.000	03 tháng
269	Phin lọc ga điều hòa 11164457	Trung Quốc	Cái	2	850.000	1.700.000	02 tháng
270	Cây các đăng sau 6520-2201011-10	Trung Quốc	Cái	12	11.500.000	138.000.000	04 tháng
271	Cây các đăng trước 6520-2205011-10	Thổ Nhĩ Kỳ	Cụm	1	35.000.000	35.000.000	06 tháng
272	Cao su mõ nhíp trước Kamaz	Việt Nam	Cái	6	450.000	2.700.000	01 tháng
273	Cao su giằng cầu DONGFENG	Việt Nam	Quả	6	550.000	3.300.000	01 tháng
274	Cao su giảm sóc nhíp trước Kamaz	Việt Nam	Cái	5	40.500	202.500	Theo TCNSX
275	Cao su giảm chấn 35x18x45	Việt Nam	Cái	20	80.000	1.600.000	Theo TCNSX
276	Cao su chân máy sau Kamaz 6520	Việt Nam	Cái	5	650.000	3.250.000	01 tháng
277	Cao su chân máy trước Kamaz 6520	Việt Nam	Cái	5	500.000	2.500.000	01 tháng
278	Cánh quạt+biến mô 7482-1308010	Nga	Bộ	1	12.000.000	12.000.000	04 tháng
279	Bu ly tăng dây cu roa trơn 1858885/040.205	Trung Quốc	Cái	10	850.000	8.500.000	04 tháng
280	Bi tê côn 160218	Đức	Cái	5	3.500.000	17.500.000	03 tháng
281	Bi chao GEF70ES-2RS/K3	Nhật Bản	Vòng	50	1.900.000	95.000.000	03 tháng
282	Bi chao GE60ES-2RS	Nhật Bản	Vòng	8	1.500.000	12.000.000	03 tháng

283	Bi chao GEK40XS 2RS	Nhật Bản	Vòng	20	1.000.000	20.000.000	01 tháng
284	Bi chao GEK45XS 2RS	Nhật Bản	Vòng	20	1.100.000	22.000.000	01 tháng
285	Xi lanh phanh trước SC4.6	Đài Loan	Cái	4	1.600.000	6.400.000	03 tháng
286	Xi lanh phanh sau SC5.2	Đài Loan	Cái	4	1.800.000	7.200.000	03 tháng
287	Bộ đầu lốc lạnh máy xúc PC1250 (Buly + cuộn điện + mặt hít)	Trung Quốc	Bộ	4	2.000.000	8.000.000	03 tháng
288	Bộ đầu lốc lạnh xe HD465 (Buly + cuộn điện + mặt hít)	Trung Quốc	Bộ	8	1.600.000	12.800.000	03 tháng
289	Bơm dầu động cơ 740.11-1011010/740.1011010-02	Nga	Cái	1	10.000.000	10.000.000	06 tháng
290	Bạc piston lái Φ45	Việt Nam	Cái	20	300.000	6.000.000	01 tháng
291	Bạc giằng lái Φ40	Việt Nam	Cái	20	250.000	5.000.000	01 tháng
292	Bàn ép côn 30899	Hàn Quốc	Cái	1	8.500.000	8.500.000	03 tháng
293	Bi chữ thập các đăng lái Φ28x68	Trung Quốc	Vòng	4	290.000	1.160.000	01 tháng
294	Bi chữ thập các đăng Φ30x89	Trung Quốc	Cụm	2	300.000	600.000	01 tháng
295	Bi chữ thập các đăng Φ49x155	Trung Quốc	Vòng	2	800.000	1.600.000	01 tháng
296	Bơm dầu ben bánh răng AP2D28/R60	Trung Quốc	Cái	1	9.500.000	9.500.000	03 tháng
297	Bơm nước 4934058	Trung Quốc	Cái	1	3.000.000	3.000.000	02 tháng

298	Bơm nước 7406.1307010-01/ 740.50-1307010	Nga	Cái	3	4.200.000	12.600.000	04 tháng
299	Bơm tay nhiên liệu DFH235T	Trung Quốc	Cái	2	1.500.000	3.000.000	02 tháng
300	Cao su giằng cầu DF80515T	Trung Quốc	Quả	16	700.000	11.200.000	01 tháng
301	Cây ba dọc 279-172-29	Hàn Quốc	Cái	1	3.500.000	3.500.000	03 tháng
302	Cụm van chia hơi tổng 475.720.008.0/4757200080	Trung Quốc	Cụm	5	9.500.000	47.500.000	03 tháng
303	Đầu rô tuyn ba ngang W-025	Trung Quốc	Cái	2	1.800.000	3.600.000	01 tháng
304	Đèn pha máy xúc 24V	Việt Nam	Cái	20	490.000	9.800.000	01 tháng
305	Đồng hồ báo nhiệt độ dầu số SD-1750-03	Trung Quốc	Cái	5	800.000	4.000.000	01 tháng
306	Đồng hồ tổng hợp 37.003.671-75	Nga	Cái	1	1.850.000	1.850.000	01 tháng
307	Giảm chấn cabin Hyundai HD260	Trung Quốc	Bộ	4	300.000	1.200.000	01 tháng
308	Giảm sóc nhíp sau 55300-5A200	Trung Quốc	Cái	2	2.200.000	4.400.000	01 tháng
309	Lốc điều hòa ST7547N4	Trung Quốc	Cái	3	6.500.000	19.500.000	02 tháng
310	Máy phát điện SI021	Trung Quốc	Cái	1	12.500.000	12.500.000	04 tháng
311	Phanh tay lốc kê DFP202B	Trung Quốc	Cái	2	800.000	1.600.000	01 tháng
312	Vòng bi NTN 6307	Nhật Bản	Vòng	1	420.000	420.000	01 tháng

313	Vòng bi NTN 6309	Nhật Bản	Vòng	1	789.000	789.000	01 tháng
314	Dàn nóng HBS-L0929	Trung Quốc	Cái	12	1.600.000	19.200.000	03 tháng
315	Bi chữ thập các đăng Kawasaki 90ZIV-2 42060-70450	Nhật Bản	Cụm	2	2.800.000	5.600.000	02 tháng
316	Bi treo các đăng Kawasaki 90ZIV-2 41441-70360	Nhật Bản	Cái	1	3.500.000	3.500.000	02 tháng
317	Lọc dầu động cơ SFO 3343	Indonesia	Cái	4	450.000	1.800.000	Theo TCNSX
318	Lọc dầu nhiên liệu SFF 5393	Indonesia	Cái	4	350.000	1.400.000	Theo TCNSX
319	Dây cu roa động cơ 9720	Việt Nam	Sợi	35	980.000	34.300.000	Theo TCNSX
320	Vòng đồng tốc 1316304170EU	Ý	Cái	4	2.800.000	11.200.000	02 tháng
321	Vòng đồng tốc 1356304022EU	Ý	Cái	2	7.000.000	14.000.000	02 tháng
322	Vòng đồng tốc 1356304024EU	Ý	Cái	2	4.200.000	8.400.000	02 tháng
323	Vòng đồng tốc 1316304156EU	Ý	Cái	4	2.600.000	10.400.000	02 tháng
324	Vòng đồng tốc 1316304162EU	Ý	Cái	2	2.400.000	4.800.000	02 tháng
325	Vòng đồng tốc 1316304167EU	Ý	Cái	2	4.200.000	8.400.000	02 tháng
326	Vòng đồng tốc 1316304168EU	Ý	Cái	4	3.500.000	14.000.000	02 tháng
327	Vòng đồng tốc 1316304159EU	Ý	Cái	4	3.500.000	14.000.000	02 tháng

328	Chốt 1297304436	Ý	Cái	4	350.000	1.400.000	01 tháng
329	Vòng bi thân a cơ 0750117732	Ý	Vòng	1	4.440.000	4.440.000	02 tháng
330	Bánh răng 1315302158EU	Ý	Cái	1	6.000.000	6.000.000	03 tháng
331	Vòng đồng tốc 1297304484EU	Ý	Cái	1	2.800.000	2.800.000	02 tháng
332	Vòng đồng tốc 1312304027EU	Ý	Cái	1	2.500.000	2.500.000	02 tháng
333	Vòng bi hốc a cơ 0750 117 677	Ý	Vòng	1	4.400.000	4.400.000	02 tháng
334	Bi tê côn 370241/A	Ý	Cái	3	4.200.000	12.600.000	02 tháng
335	Vòng bi 0750 117 678	Ý	Vòng	1	2.400.000	2.400.000	02 tháng
336	Vòng bi đuôi trục thứ cấp 0750117232	Ý	Vòng	1	4.200.000	4.200.000	02 tháng
337	Trục a cơ 1315 202 037/1315 302 162	Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	1	14.500.000	14.500.000	03 tháng
338	Chổi gạt mưa Kamaz	Việt Nam	Cái	20	120.000	2.400.000	01 tháng
339	Cần gạt mưa Kamaz	Việt Nam	Cái	10	180.000	1.800.000	01 tháng
340	Trục chữ thập vi sai cài cầu 6520-2506060	Trung Quốc	Cái	4	2.600.000	10.400.000	02 tháng
341	Bánh răng vi sai cài cầu 53212-2403055/6520-2506055-10	Trung Quốc	Cái	16	1.000.000	16.000.000	02 tháng
342	Căn vi sai cài cầu 6520-2506058	Trung Quốc	Cái	16	50.000	800.000	01 tháng

343	Bộ vỏ ốp vi sai cài cầu 6520-2506016	Trung Quốc	Bộ	2	9.800.000	19.600.000	03 tháng
344	Cụm phom xả khí 45104351100790	Trung Quốc	Cụm	6	1.500.000	9.000.000	02 tháng
345	Phanh hãm 6520-2502142	Trung Quốc	Cái	5	520.000	2.600.000	01 tháng
346	Xi lanh phanh 58333-45001	Trung Quốc	Cái	4	850.000	3.400.000	02 tháng
347	Chốt đi số 1324 207 005	Trung Quốc	Cái	6	3.500.000	21.000.000	06 tháng
348	Ống cao su két mát 6520-1303010-01	Trung Quốc	Cái	5	500.000	2.500.000	Theo TCNSX
349	Ống cao su két mát 6520-1303026-01	Trung Quốc	Cái	5	500.000	2.500.000	Theo TCNSX
350	Ống cao su 53205-1170245	Trung Quốc	Cái	5	600.000	3.000.000	Theo TCNSX
351	Cánh quạt động cơ 740.51-1308012/020002748	Trung Quốc	Cái	4	3.500.000	14.000.000	02 tháng
352	Nắp chụp dàn cò 7406.1003264	Nga	Cái	1	1.200.000	1.200.000	03 tháng
353	Bi tê côn 45104160130890/343151001051	Nga	Cái	1	6.000.000	6.000.000	03 tháng
354	Căn bi tỳ trục đứng Kamaz	Việt Nam	Cái	20	350.000	7.000.000	01 tháng
355	Bi treo các đăng Kamaz 65201 Φ60	Việt Nam	Vòng	5	1.500.000	7.500.000	01 tháng
356	Cổ xả giữa HD465	Việt Nam	Cái	2	10.000.000	20.000.000	03 tháng
357	Phanh hãm 804846	Việt Nam	Cái	10	250.000	2.500.000	01 tháng

358	Rơ le số quạt điều hòa 056700-8170	Trung Quốc	Cái	5	1.600.000	8.000.000	01 tháng
359	Đĩa phanh HD465	Việt Nam	Cái	2	9.500.000	19.000.000	03 tháng
360	Đèn xi nhan trước Kamaz	Việt Nam	Cái	12	550.000	6.600.000	01 tháng
361	Đèn xi nhan sườn Kamaz	Việt Nam	Cái	12	300.000	3.600.000	01 tháng
362	Đèn hậu Led	Việt Nam	Cái	14	450.000	6.300.000	01 tháng
363	Đèn lùi inox 24V	Việt Nam	Cái	20	115.000	2.300.000	01 tháng
364	Tăm bua phanh 6520-3501070	Trung Quốc	Cái	3	3.500.000	10.500.000	06 tháng
365	Bánh đà 740.30-1005115	Trung Quốc	Cái	1	18.900.000	18.900.000	06 tháng
366	Ống gió tăng áp 6212-11-4420	Ý	Cái	1	7.000.000	7.000.000	03 tháng
367	Pin điện từ đi số DH300-5	Nhật Bản	Cái	2	2.500.000	5.000.000	01 tháng
368	Đồng hồ báo nhiệt độ dầu máy SD-1750-4	Trung Quốc	Cái	5	800.000	4.000.000	01 tháng
369	Vòng bi càng gạt bi tê 0635285037/GE25ES-2RS	Nhật Bản	Vòng	4	350.000	1.400.000	03 tháng
370	Phớt 117x174x14/28	Việt Nam	Cái	2	350.000	700.000	Theo TCNSX
371	Bi chữ thập các đăng Φ49x170	Trung Quốc	Cụm	2	1.500.000	3.000.000	03 tháng
372	Bi chữ thập các đăng Φ49.2x191	Trung Quốc	Cụm	2	1.500.000	3.000.000	03 tháng

373	Bầu phanh trước 960-3519310-10	Trung Quốc	Cái	8	1.700.000	13.600.000	06 tháng
374	Phớt chắn mỡ 140x160x8	Việt Nam	Cái	20	350.000	7.000.000	Theo TCNSX
375	Máy phát điện 24V-70A 37300-45600	Trung Quốc	Cái	1	8.500.000	8.500.000	03 tháng
376	Tăng áp động cơ 7406-1118010/12749880003	Trung Quốc	Cụm	4	9.300.000	37.200.000	06 tháng
377	Trục quả đào 58375-7C450/58475-7C450	Trung Quốc	Cái	4	2.800.000	11.200.000	03 tháng
378	Dàn lạnh CZ08812	Trung Quốc	Cái	2	2.500.000	5.000.000	03 tháng
379	Van tiết lưu 38352	Trung Quốc	Cái	2	698.500	1.397.000	03 tháng
380	Cao su giằng cầu Φ70	Việt Nam	Quả	10	700.000	7.000.000	03 tháng
381	Bạc cổ gầu 140x175x185	Việt Nam	Cái	1	6.500.000	6.500.000	03 tháng
382	Bạc tai gầu 130x150x130	Việt Nam	Cái	1	1.500.000	1.500.000	03 tháng
383	Rơ le phụ đề SP1296	Trung Quốc	Cái	10	350.000	3.500.000	01 tháng
384	Bộ vỏ ốp cao su chân hộp số Kamaz 6520	Việt Nam	Bộ	14	2.000.000	28.000.000	03 tháng
385	Bi treo các đăng 49730-75700/60-20	Trung Quốc	Cái	1	1.800.000	1.800.000	03 tháng
386	Bưởng đầu hộp số 1316301064	Việt Nam	Cái	3	20.000.000	60.000.000	06 tháng
387	Bưởng đuôi hộp số 1315401224	Việt Nam	Cái	1	18.000.000	18.000.000	06 tháng

388	Lốc lạnh 2407264814Z	Trung Quốc	Cái	12	3.800.000	45.600.000	02 tháng
389	Lốc lạnh 2407264822Z	Trung Quốc	Cái	6	3.800.000	22.800.000	02 tháng
390	Lốc điều hòa 001484207970	Trung Quốc	Cái	5	9.000.000	45.000.000	02 tháng
391	Lốc điều hòa 0154512180	Singapore	Cái	3	11.000.000	33.000.000	02 tháng
392	Van nạp giảm sóc 440-2667	Mỹ	Cái	3	2.800.000	8.400.000	03 tháng
393	Moay ơ trước 6520-3103015	Trung Quốc	Cái	5	9.500.000	47.500.000	06 tháng
394	Cụm kéo phanh tay 100-3537010	Trung Quốc	Cái	2	2.500.000	5.000.000	03 tháng
395	Van tiết lưu điều hòa 1534QEX	Trung Quốc	Cái	10	650.000	6.500.000	01 tháng
396	Van áp lực điều hòa HFC-134a	Trung Quốc	Cái	5	350.000	1.750.000	01 tháng
397	Phin lọc ga điều hòa CD-6007	Trung Quốc	Cái	20	450.000	9.000.000	01 tháng
398	Vành cài đuôi số mạnh 1296 333 050	Ý	Cái	2	4.400.000	8.800.000	06 tháng
399	Vành cài số mạnh 1316 233 029	Ý	Cái	2	5.200.000	10.400.000	06 tháng
400	Vành lùa số mạnh 1296 333 023	Ý	Cái	2	4.000.000	8.000.000	06 tháng
401	Vành thắng tầng chậm 1296 333 045	Ý	Cái	4	3.600.000	14.400.000	06 tháng
402	Ruột số mạnh 1313 333 001	Ý	Cái	2	4.400.000	8.800.000	06 tháng

403	Ống cao su 209-03-41711	Nhật Bản	Cái	1	4.900.000	4.900.000	03 tháng
404	Lọc dầu động cơ FC-5602	Indonesia	Cái	6	450.000	2.700.000	Theo TCNSX
405	Lọc dầu nhiên liệu CX1011	Trung Quốc	Cái	8	450.000	3.600.000	Theo TCNSX
406	Gioăng lốp 26.5-25	Việt Nam	Cái	4	500.000	2.000.000	Theo TCNSX
407	Xi lanh nâng hạ cabin 5003010-C0300	Trung Quốc	Cái	3	3.500.000	10.500.000	03 tháng
408	Bi chao 707-46-14010	Nhật Bản	Cái	1	25.000.000	25.000.000	03 tháng
409	Lọc gió động cơ 8-98321413-0	Nhật Bản	Cái	2	1.500.000	3.000.000	Theo TCNSX
410	Xi lanh phanh 11H0983CG	Trung Quốc	Cái	6	850.000	5.100.000	03 tháng
411	Tiết chế máy phát 37300-45600	Hàn Quốc	Cái	2	1.200.000	2.400.000	03 tháng
412	Ty tắt máy WG9100570014	Trung Quốc	Cái	1	500.000	500.000	03 tháng
413	Trục đỡ guốc phanh trước LS-STR	Trung Quốc	Cái	2	450.000	900.000	03 tháng
414	Tay đỡ ba ngang SG-400C	Trung Quốc	Cái	1	1.200.000	1.200.000	03 tháng
415	Bơm tay nhiên liệu P7100	Trung Quốc	Cái	1	1.200.000	1.200.000	03 tháng
416	Bình hơi WG9003550094/ WG9000360701	Trung Quốc	Cái	1	1.500.000	1.500.000	03 tháng
417	Xi lanh lái 4310-5003014	Việt Nam	Cái	1	10.500.000	10.500.000	03 tháng

418	Trục cơ 740.50-1005020/ 52561000	Tây Ban Nha	Cái	1	55.000.000	55.000.000	06 tháng
419	Phớt nắp piston nâng hạ ben 167-2201/2892937	Ý	Cái	2	800.000	1.600.000	Theo TCNSX
420	Phớt nắp piston nâng hạ ben 167-2312/2892948	Mỹ	Cái	2	800.000	1.600.000	Theo TCNSX
421	Gioăng chắn dầu nắp piston nâng hạ ben 175-7900/2H3934	Ý	Cái	2	150.000	300.000	Theo TCNSX
422	Phớt piston nâng hạ ben 8C-9160	Mỹ	Cái	2	1.200.000	2.400.000	Theo TCNSX
423	Phớt chắn bụi 225-3281	Ý	Cái	2	500.000	1.000.000	Theo TCNSX
424	Ống cao su cổ hút gió 53205-1109375	Trung Quốc	Cái	4	750.000	3.000.000	Theo TCNSX
425	Kim phun nhiên liệu D5H00-1112100A-011	Trung Quốc	Cái	1	7.450.000	7.450.000	06 tháng
426	Cảm biến áp suất nhiên liệu 29389851	Trung Quốc	Cái	1	2.500.000	2.500.000	03 tháng
427	Phin lọc dầu nhiên liệu J7W00-1105350	Indonesia	Cái	1	450.000	450.000	Theo TCNSX
428	Phin lọc dầu nhiên liệu D5H00-1105140/FS2426	Trung Quốc	Cái	1	700.000	700.000	Theo TCNSX
429	Bi chữ thập các đăng 30x90	Trung Quốc	Cụm	3	800.000	2.400.000	03 tháng
430	Bu ly tăng dây cu roa có rãnh 1858884	Trung Quốc	Cái	3	850.000	2.550.000	03 tháng
431	Bơm thủy lực AH-PGP517A0520CD1H3NE6E5B1B1XG562	Trung Quốc	Cái	1	18.000.000	18.000.000	03 tháng
432	Cảm biến nhiệt độ nước TM100A 0206	Trung Quốc	Cái	8	450.000	3.600.000	03 tháng

433	Phớt đuôi trục cơ 135x150x12/ 6L375	Trung Quốc	Cái	2	400.000	800.000	Theo TCNSX
434	Rô tuyn ba ngang 8-97107349-QJ	Trung Quốc	Cái	2	900.000	1.800.000	03 tháng
435	Giảm sóc cabin 5320-5001076-10	Trung Quốc	Cái	4	750.000	3.000.000	03 tháng
436	Khớp lai bơm ben 6090306021	Đài Loan	Cái	5	3.600.000	18.000.000	06 tháng
437	Bi chao 7J-3297	Trung Quốc	Cái	6	4.000.000	24.000.000	06 tháng
438	Gioăng phớt xi lanh nâng cần 17264520	Việt Nam	Bộ	2	4.950.000	9.900.000	Theo TCNSX
439	Bộ phớt nâng cần 707-99-67870	Nhật Bản	Bộ	1	6.100.000	6.100.000	Theo TCNSX
440	Cụm bánh răng dẫn động 6520-2405061	Nga	Cụm	1	12.900.000	12.900.000	03 tháng
441	Giá chân Piston lên ben Kamaz 65201	Việt Nam	Cái	2	3.700.000	7.400.000	02 tháng
442	Ống cao su cổ hút gió Kamaz 6520	Việt Nam	Cái	1	900.000	900.000	Theo TCNSX
443	Vỏ ốp vi sai giảm tốc cạnh 6520-2405024	Nga	Bộ	1	14.900.000	14.900.000	02 tháng
444	Bộ gioăng phớt đóng mở gầu 707-99-78410	Nhật Bản	Bộ	1	25.000.000	25.000.000	Theo TCNSX
445	Lọc dầu động cơ JX0818-001	Trung Quốc	Cái	8	350.000	2.800.000	Theo TCNSX
446	Bộ phớt cần cuốn gầu PC1250-8 707-99-72390	Nhật Bản	Bộ	2	18.500.000	37.000.000	Theo TCNSX
447	Lọc dầu nhiên liệu L0087-001	Trung Quốc	Cái	4	420.000	1.680.000	Theo TCNSX

448	Tay giằng cầu hạ 632-2919012/ 1630-2919012-11	Trung Quốc	Cái	1	8.900.000	8.900.000	02 tháng
449	Dây curoa 8PK1430	Việt Nam	Sợi	2	700.000	1.400.000	Theo TCNSX
450	Bơm nhớt trợ lực lái xe tải ShNKF 453471.021	Belarus	Cái	6	9.700.000	58.200.000	02 tháng
451	Cụm khớp lai bơm ben 1015703	Trung Quốc	Cái	3	7.000.000	21.000.000	02 tháng
452	Cụm cầu cân bằng 6520-2918050	Trung Quốc	Cụm	1	68.000.000	68.000.000	03 tháng
453	Bi chao GE100ES-2RS	Việt Nam	Vòng	5	4.500.000	22.500.000	03 tháng
454	Thanh giằng gạt mưa 1386567	Trung Quốc	Bộ	3	3.500.000	10.500.000	02 tháng
455	Tổng phanh chân 8099-3514108-10	Trung Quốc	Cái	4	6.500.000	26.000.000	02 tháng
456	Ty ô đường dầu hồi nhiên liệu Kamaz	Việt Nam	Cái	4	550.000	2.200.000	02 tháng
457	Lốc điều hòa xe Thaco Forland	Việt Nam	Cái	1	3.500.000	3.500.000	02 tháng
458	Dàn nóng xe Thaco Forland	Việt Nam	Cái	1	2.500.000	2.500.000	02 tháng
459	Van tiết lưu xe Thaco Forland	Việt Nam	Cái	1	800.000	800.000	02 tháng
460	Quạt dàn nóng xe Thaco Forland	Việt Nam	Cái	1	2.500.000	2.500.000	02 tháng
461	Trục quả đào sau xe Dongfeng C260 L=52 cm	Việt Nam	Cái	2	1.800.000	3.600.000	02 tháng
462	Trục quả đào trước xe Dongfeng C260 L=37 cm	Việt Nam	Cái	2	1.500.000	3.000.000	02 tháng

463	Vi lét phanh cầu giữa (L) xe Dongfeng C260	Việt Nam	Cái	1	750.000	750.000	02 tháng
464	Vi lét phanh cầu giữa (R) xe Dongfeng C260	Việt Nam	Cái	1	750.000	750.000	02 tháng
465	Vi lét phanh cầu sau (L) xe Dongfeng C260	Việt Nam	Cái	1	750.000	750.000	02 tháng
466	Vi lét phanh cầu sau (R) xe Dongfeng C260	Việt Nam	Cái	1	750.000	750.000	02 tháng
467	Bạc trục quả đào 52x44x50	Việt Nam	Cái	8	160.000	1.280.000	02 tháng
468	Bạc gối cầu cân bằng xe Dongfeng C260	Việt Nam	Cái	4	500.000	2.000.000	02 tháng
469	Kim van nạp khí bình tích năng HD465	Việt Nam	Cái	20	250.000	5.000.000	02 tháng
470	Phớt đuôi trục cơ 120x150x14	Việt Nam	Cái	2	450.000	900.000	02 tháng
471	Dây cu roa 6PK2100	Việt Nam	Sợi	5	698.000	3.490.000	01 tháng
472	Dây cu roa 8PK2739	Việt Nam	Sợi	10	850.000	8.500.000	01 tháng
473	Bạc trục đứng Kamaz	Việt Nam	Cái	10	250.000	2.500.000	02 tháng
474	Phin lọc ga điều hòa 134a/ CD-3097	Trung Quốc	Cái	2	500.000	1.000.000	01 tháng
475	Bơm tay (thùng dầu nhiên liệu) 37.1141010	Trung Quốc	Cái	2	1.350.000	2.700.000	02 tháng
476	Bình ngưng 5320-1311010-30	Trung Quốc	Cái	1	2.400.000	2.400.000	01 tháng
477	Bát cài cầu 5320-2509017	Trung Quốc	Cái	1	230.000	230.000	03 tháng

478	Két gió 6520-1170300	Trung Quốc	Cái	1	38.350.000	38.350.000	03 tháng
479	Két nước 6520-1301010-01	Trung Quốc	Cái	1	21.500.000	21.500.000	03 tháng
480	Bích các đăng cầu sau 6520-2201023-10	Trung Quốc	Cái	1	4.200.000	4.200.000	03 tháng
481	Bánh răng giảm tốc moay ơ sau 6520-2405035	Trung Quốc	Cái	1	3.500.000	3.500.000	03 tháng
482	Trục lai cầu sau 6520-2502201	Trung Quốc	Cái	1	5.500.000	5.500.000	03 tháng
483	Vi sai cài cầu 6520-2506010	Trung Quốc	Cụm	1	7.540.000	7.540.000	03 tháng
484	Bạc đầu nhỏ tay biên 740.1004052	Trung Quốc	Cái	1	585.000	585.000	01 tháng
485	Bạc trục cụt lai cam 740.1006026-02	Trung Quốc	Cái	1	360.000	360.000	03 tháng
486	Bánh răng lai trục cam 740.1006214	Trung Quốc	Cái	1	2.730.000	2.730.000	03 tháng
487	Ống dẫn hướng 740.1007032	Trung Quốc	Cái	1	195.000	195.000	03 tháng
488	Két sinh hàn 740.20-1013200-10	Trung Quốc	Cái	1	11.050.000	11.050.000	03 tháng
489	Bạc cam 740.21-1006037	Trung Quốc	Cái	1	884.000	884.000	03 tháng
490	Đũa đẩy 740.21-1007176	Trung Quốc	Cái	1	845.000	845.000	03 tháng
491	Khớp lai bơm cao áp 740.51-1111054-01	Trung Quốc	Cái	1	1.800.000	1.800.000	03 tháng
492	Trục lai bơm cao áp 740.51-1121050	Trung Quốc	Cái	1	2.500.000	2.500.000	03 tháng

493	Vòi rồng 7405.1004065/7405.1004066	Trung Quốc	Cái	1	494.000	494.000	03 tháng
494	Bạc baliê P1 7405-1000102-P1	Trung Quốc	Bộ	1	2.200.000	2.200.000	06 tháng
495	Bạc biên P1 7405-1000104-P1	Trung Quốc	Bộ	1	2.150.000	2.150.000	06 tháng
496	Xu páp hút 7406.1007010	Trung Quốc	Cái	1	455.000	455.000	03 tháng
497	Xu páp xả 7406.1007015	Trung Quốc	Cái	1	455.000	455.000	03 tháng
498	Trục đỡ cò mổ 7406.1007091	Trung Quốc	Cái	1	1.800.000	1.800.000	03 tháng
499	Cò mổ 7406.1007140	Trung Quốc	Cái	1	450.000	450.000	03 tháng
500	Lốc điều hòa HFC134A/ST540608	Trung Quốc	Cái	1	6.500.000	6.500.000	02 tháng
501	Quạt giàn lạnh điều hòa ND116340-7350	Trung Quốc	Cái	1	2.800.000	2.800.000	01 tháng
502	Quạt giàn lạnh điều hòa NX-GF J007	Trung Quốc	Cái	1	4.500.000	4.500.000	01 tháng
503	Lốc lạnh ST150901	Trung Quốc	Cái	1	6.800.000	6.800.000	02 tháng
504	Lốc lạnh 508-1 ST541307	Trung Quốc	Cái	1	3.800.000	3.800.000	02 tháng
505	Lốc điều hòa ST751923/ 00453508970	Trung Quốc	Cái	1	6.000.000	6.000.000	02 tháng
506	Bánh răng lồng bộ côn số 6 8P-0523/8P0523	Ý	Cái	1	29.340.000	29.340.000	06 tháng
507	Bánh răng máy ép hơi 7N-9322	Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	1	6.732.000	6.732.000	06 tháng

508	Bi bu ly cánh quạt 6B-1124	Thổ Nhĩ Kỳ	Vòng	2	504.000	1.008.000	02 tháng
509	Bộ gioăng chia dầu phanh sau 9V-3225/9V3225	Ý	Bộ	1	1.500.000	1.500.000	Theo TCNSX
510	Bơm chuyển nhiên liệu (Bơm cung cấp) 149-1950	Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	1	11.500.000	11.500.000	01 tháng
511	Ca gioăng lắp bích đuôi trục cơ 4N-0848/M-4N848	Mỹ	Cái	1	1.200.000	1.200.000	03 tháng
512	Cảm biến nhiệt độ biến mô 118-7226	Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	1	4.000.000	4.000.000	03 tháng
513	Cảm biến nhiệt độ khí nạp động cơ 107-8618	Mỹ	Cái	1	5.500.000	5.500.000	03 tháng
514	Cảm biến nhiệt độ nhiên nước làm mát 102-2240	Mỹ	Cái	1	5.100.000	5.100.000	03 tháng
515	Cảm biến tốc độ bánh đà 189-5746	Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	1	4.500.000	4.500.000	03 tháng
516	Căn 8E-8304/8E8304	Ý	Cái	3	259.000	777.000	02 tháng
517	Căn 8E-8308/8E8308	Ý	Cái	3	296.000	888.000	02 tháng
518	Căn vi sai 3D-8513/3D 8513	Ý	Cái	1	8.123.000	8.123.000	03 tháng
519	Căn hãm trục cam 4N-0342	Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	1	1.560.000	1.560.000	03 tháng
520	Cao su chân hộp số 515-50-11731	Nhật Bản	Cái	1	9.184.000	9.184.000	03 tháng
521	Cao su chân máy sau 6Y-2090/6Y2090	Ý	Cái	2	6.600.000	13.200.000	03 tháng
522	Cao su chân máy trước 343-4837 343-4837/3434837	Mỹ	Cái	1	9.079.000	9.079.000	03 tháng

523	Đệm toa ben 569-74-61520 569-74-61520	Việt Nam	Cái	1	11.000.000	11.000.000	03 tháng
524	Đĩa giảm chấn bầu phanh sau 7D-3013/FM2045	Anh	Cái	1	9.600.000	9.600.000	03 tháng
525	Đĩa ma sát bầu phanh 9W-7017/FM4863	Anh	Cái	1	6.517.000	6.517.000	03 tháng
526	Gioăng ca xoa moay ơ sau 297-9545 /2979545	Ý	Cái	1	1.800.000	1.800.000	Theo TCNSX
527	Gioăng ca xoa moay ơ sau 314-4118 /3144118	Ý	Cái	1	1.200.000	1.200.000	Theo TCNSX
528	Gioăng ca xoa moay ơ sau 365-4922/3654922	Trung Quốc	Bộ	1	37.200.000	37.200.000	Theo TCNSX
529	Gioăng cao su 100-4083	Ý	Bộ	1	180.000	180.000	Theo TCNSX
530	Gioăng cao su 3D-2824	Ý	Cái	1	47.000	47.000	Theo TCNSX
531	Gioăng chắn dầu 2M-9780	Ý	Cái	1	37.000	37.000	Theo TCNSX
532	Gioăng vành pông 5D-7523/5D7523	Ý	Cái	1	518.000	518.000	Theo TCNSX
533	Gioăng làm kín 8F-8733	Ý	Cái	2	155.000	310.000	Theo TCNSX
534	Két làm mát dầu ben, phanh 141-4109/PM42	Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	1	82.927.000	82.927.000	03 tháng
535	Két mát dầu động cơ 7C-0145/PM31	Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	1	34.146.000	34.146.000	03 tháng
536	Két mát đồng sinh hàn động cơ 4W5056	Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	1	37.561.000	37.561.000	03 tháng
537	Lá đồng bộ côn số 1+5+6 1P-4110/FM1631	Anh	Cái	1	5.500.000	5.500.000	03 tháng

538	Lá đồng bộ côn số 7 1S-3736/FM2831	Anh	Cái	1	6.500.000	6.500.000	03 tháng
539	Ổ đỡ bu ly cách quạt 2P-1757/2P1757	Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	1	3.500.000	3.500.000	03 tháng
540	Ống lót vòi phun nhiên liệu 108-0219/M-1080219	Mỹ	Cái	1	6.400.000	6.400.000	03 tháng
541	Trục bánh răng hành tinh 1 tầng số 5 7S-8631/7S 8631	Ý	Cái	1	2.300.000	2.300.000	03 tháng
542	Trục bánh răng hành tinh số (2+3) 2S-4900/2S4900	Mỹ	Cái	1	2.144.000	2.144.000	03 tháng
543	Trục cơ 6245-31-1100/057479005	Tây Ban Nha	Cái	1	380.000.000	380.000.000	06 tháng
544	Phớt láp 60x72	Việt Nam	Cái	4	150.000	600.000	Theo TCNSX
545	Ca xoa trước 137-2429	Ý	Bộ	1	13.000.000	13.000.000	03 tháng
546	Van hạn chế ben 13101-8603010	Trung Quốc	Cái	3	4.500.000	13.500.000	03 tháng
547	Ắc trung tâm càng A CAT 773E	Việt Nam	Cái	3	2.100.000	6.300.000	03 tháng
548	Van chia hơi bầu phanh (4 ngả) 64221-3515310	Trung Quốc	Cái	5	1.500.000	7.500.000	02 tháng
549	Đĩa thép rọ số 2 3P-8160/FM2772MP	Anh	Cái	10	2.200.000	22.000.000	03 tháng
550	Vành chậu 7I-5900/2777213	Ý	Cái	1	115.000.000	115.000.000	06 tháng
551	Vỏ hộp vi sai 6G-7472/6G7472	Ý	Cái	1	84.000.000	84.000.000	06 tháng
552	Lá thép bộ côn số 3+4 3S-0044/FM2770MP	Anh	Cái	8	5.700.000	45.600.000	03 tháng

553	Quang nhíp sau Kamaz 6520	Việt Nam	Cái	42	480.000	20.160.000	02 tháng
554	Quang nhíp sau M30x90x530	Việt Nam	Bộ	6	800.000	4.800.000	02 tháng
555	Quang nhíp sau M27x90x440	Việt Nam	Cái	6	600.000	3.600.000	02 tháng
556	Quang nhíp trước Kamaz 6520	Việt Nam	Cái	12	250.000	3.000.000	02 tháng
557	Quang nhíp trước HUYNDAI HD260	Việt Nam	Cái	4	250.000	1.000.000	02 tháng
558	Quang nhíp trước Dongfeng	Việt Nam	Cái	4	250.000	1.000.000	02 tháng
559	Nhíp giảm sóc cabin 5320-5001080	Trung Quốc	Bộ	6	700.000	4.200.000	01 tháng
560	Bộ nhíp sau xe Huyndai County 29 chỗ ar- 10 lá	Việt Nam	Bộ	2	7.950.000	15.900.000	02 tháng
561	Nhíp sau 100x22x1000	Việt Nam	Lá	20	1.080.000	21.600.000	02 tháng
562	Nhíp sau 100x22x1150	Việt Nam	Lá	20	1.091.000	21.820.000	02 tháng
563	Nhíp sau 100x22x1250	Việt Nam	Lá	25	1.180.000	29.500.000	02 tháng
564	Nhíp sau 100x22x1600	Việt Nam	Lá	50	1.513.000	75.650.000	02 tháng
565	Nhíp sau 100x22x350	Việt Nam	Lá	15	610.000	9.150.000	02 tháng
566	Nhíp sau 100x22x450	Việt Nam	Lá	22	612.000	13.464.000	02 tháng
567	Nhíp sau 100x22x550	Việt Nam	Lá	20	670.000	13.400.000	02 tháng

568	Nhíp sau 100x22x650	Việt Nam	Lá	20	791.000	15.820.000	02 tháng
569	Nhíp sau 100x22x750	Việt Nam	Lá	25	915.000	22.875.000	02 tháng
570	Nhíp sau 100x22x850	Việt Nam	Lá	20	1.030.000	20.600.000	02 tháng
571	Nhíp trước 90x14x1050	Việt Nam	Lá	10	814.000	8.140.000	02 tháng
572	Nhíp trước 90x14x1200	Việt Nam	Lá	10	886.000	8.860.000	02 tháng
573	Nhíp trước 90x14x1350	Việt Nam	Lá	10	940.000	9.400.000	02 tháng
574	Nhíp trước 90x14x1500	Việt Nam	Lá	12	1.045.000	12.540.000	02 tháng
575	Nhíp trước 90x14x350	Việt Nam	Lá	5	466.000	2.330.000	02 tháng
576	Nhíp trước 90x14x450	Việt Nam	Lá	6	547.000	3.282.000	02 tháng
577	Nhíp trước 90x14x600	Việt Nam	Lá	10	627.000	6.270.000	02 tháng
578	Nhíp trước 90x14x750	Việt Nam	Lá	10	728.000	7.280.000	02 tháng
579	Nhíp trước 90x14x900	Việt Nam	Lá	10	802.000	8.020.000	02 tháng
580	Nhíp trước lá số 1; 90x12x1500	Việt Nam	Lá	2	1.500.000	3.000.000	02 tháng
581	Nhíp trước lá số 1; 90x14x1860	Việt Nam	Lá	6	1.265.000	7.590.000	02 tháng
582	Nhíp trước lá số 1; 90x16x1720	Việt Nam	Lá	2	1.800.000	3.600.000	02 tháng

583	Nhíp trước lá số 2; 90x12x1500	Việt Nam	Lá	2	1.400.000	2.800.000	02 tháng
584	Nhíp trước lá số 2; 90x14x1870	Việt Nam	Lá	8	1.313.000	10.504.000	02 tháng
585	Nhíp trước lá số 2; 90x16x1720	Việt Nam	Lá	2	1.800.000	3.600.000	02 tháng
586	Nhíp trước lá số 3; 90x12x1400	Việt Nam	Lá	2	1.350.000	2.700.000	02 tháng
587	Nhíp trước lá số 3; 90x14x1680	Việt Nam	Lá	12	1.083.000	12.996.000	02 tháng
588	Lò xo guốc phanh	Việt Nam	Cái	6	120.000	720.000	01 tháng
589	Đinh tán Φ8	Việt Nam	Cái	1000	4.000	4.000.000	Theo TCNSX
590	Ê cu tắc kê 569-22-72870	Nhật Bản	Cái	20	250.000	5.000.000	01 tháng
591	Gas 134 KLEA	Nhật Bản	Bình	12	4.500.000	54.000.000	Theo TCNSX
592	Dầu lạnh PAG 100HQ	Hàn Quốc	Chai	20	500.000	10.000.000	Theo TCNSX
593	Nhíp sau 90x20x1500	Việt Nam	Lá	2	1.900.000	3.800.000	02 tháng
594	Nhíp sau 90x20x1200	Việt Nam	Lá	2	1.550.000	3.100.000	02 tháng
595	Nhíp sau 90x20x1100	Việt Nam	Lá	2	1.350.000	2.700.000	02 tháng
596	Nhíp sau 90x20x1000	Việt Nam	Lá	2	1.300.000	2.600.000	02 tháng
597	Nhíp sau 90x20x900	Việt Nam	Lá	2	1.200.000	2.400.000	02 tháng

598	Nhíp sau 90x20x800	Việt Nam	Lá	2	1.100.000	2.200.000	02 tháng
599	Nhíp sau 90x20x700	Việt Nam	Lá	2	850.000	1.700.000	02 tháng
600	Nhíp sau 90x20x600	Việt Nam	Lá	2	780.000	1.560.000	02 tháng
601	Nhíp sau 90x20x500	Việt Nam	Lá	2	650.000	1.300.000	02 tháng
602	Nhíp sau 90x20x400	Việt Nam	Lá	2	600.000	1.200.000	02 tháng
603	Bu lông giằng cầu M20L120	Việt Nam	Bộ	60	45.000	2.700.000	01 tháng
604	Bu lông giằng cầu M20L330	Việt Nam	Bộ	120	110.000	13.200.000	01 tháng
605	Nhíp cục phía trước Samco 5.2	Việt Nam	Bộ	2	7.500.000	15.000.000	02 tháng
606	Nhíp cục phía sau Samco 5.2	Việt Nam	Bộ	2	8.000.000	16.000.000	02 tháng
607	Quang nhíp sau Samco 5.2	Việt Nam	Cái	4	480.000	1.920.000	02 tháng
608	Bộ nhíp trước Dongfeng (9 lá)	Việt Nam	Bộ	1	12.000.000	12.000.000	02 tháng
609	Bu lông M20L150 (8.8)	Việt Nam	Bộ	550	50.000	27.500.000	01 tháng
610	Bu lông M27L280 (12.9)	Việt Nam	Bộ	400	200.000	80.000.000	01 tháng
611	Bu lông stan sau	Việt Nam	Bộ	35	80.000	2.800.000	01 tháng
612	Bu lông stan trước	Việt Nam	Bộ	15	60.000	900.000	01 tháng

613	Bu lông tắc kê 569-22-72850	Nhật Bản	Cái	10	950.000	9.500.000	02 tháng
614	Bu lông tắc kê 569-22-72860	Nhật Bản	Cái	10	750.000	7.500.000	02 tháng
615	Bu lông tắc kê DF22x12	Việt Nam	Bộ	20	85.000	1.700.000	01 tháng
616	Bu lông tắc kê 6520-3104071	Việt Nam	Bộ	120	65.000	7.800.000	01 tháng
617	Ê cu đầu trục cài cầu Kamaz	Việt Nam	Cái	10	250.000	2.500.000	01 tháng
618	Bu lông tắc kê 4D-8695	Trung Quốc	Cái	10	700.000	7.000.000	01 tháng
619	Ê cu tắc kê 5D-0765	Trung Quốc	Cái	10	350.000	3.500.000	01 tháng
620	Vòng đệm 5D-0764	Trung Quốc	Cái	10	100.000	1.000.000	01 tháng
Tổng cộng trước thuế GTGT:						**9.083.292.500**	
Thuế GTGT 8%:						**726.663.400**	
Tổng cộng sau thuế:						**9.809.955.900**	
Bằng chữ: Chín tỷ, tám trăm linh chín triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm đồng./.							